

Quan niệm của J. Locke về quyền sở hữu trong tác phẩm “Khảo luận thứ hai về chính quyền”

Nguyễn Thị Thanh Huyền*

*Khoa Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội, 336 Nguyễn Trãi, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 16 tháng 8 năm 2012

Tóm tắt: Trong tác phẩm “Khảo luận thứ hai về chính quyền”, J. Locke đưa ra quan niệm về các quyền tự nhiên của con người như: quyền tự do, bình đẳng và quyền tư hữu. Trong đó ông đặc biệt nhấn mạnh quyền sở hữu tài sản do lao động tạo ra. Locke bắt đầu từ một tiền đề không ai có thể phủ nhận là con người có quyền sở hữu đối với lao động của chính mình. Vì vậy khi con người dùng lao động của mình để tạo ra sản phẩm thì nó sẽ thuộc về anh ta và điều đó bắt đầu sự sở hữu. Theo Locke, quyền sở hữu là sở hữu mà người ta có đối với cá nhân con người họ cũng như những tài sản của họ. Việc tích lũy tài sản do lao động tạo ra cũng phải có giới hạn. Để giải quyết vấn đề này cần có lưu thông tiền tệ. Chính tiền tệ khiến việc tích lũy không bị lãng phí hay hư hỏng như khi tích lũy hàng hóa. Mục đích của nhà nước là bảo vệ và bảo đảm quyền tự do và sở hữu do lao động của con người tạo ra. Nếu nhà nước không thực hiện được nhiệm vụ đó thì nhân dân có quyền thiết lập nhà nước mới trên cơ sở khế ước xã hội.

J. Locke (1632 - 1704), nhà triết học, chính trị học người Anh, người có ảnh hưởng đến cả cuộc cách mạng Mỹ lẫn cách mạng Pháp. Ông để lại cho loài người nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó phải kể đến *Hai khảo luận về chính quyền*. Đây là các tác phẩm triết học chính trị của J. Locke, lĩnh vực gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng chính trị phương Tây. Trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, ông cho rằng con người có các quyền tự nhiên là quyền tự do, quyền bình đẳng và quyền tư hữu. Đó là những quyền bắt nguồn từ bản chất muôn đời và bất biến của con người, không ai có thể thay đổi được. Những luận giải của J.Locke về sự ra đời của nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ duy

nhất là đảm bảo các quyền con người, trong đó quan trọng nhất là quyền sở hữu tài sản do lao động đem lại. Bài viết đi sâu nghiên cứu quan niệm của J. Locke về quyền sở hữu trong tác phẩm “Khảo luận thứ hai về chính quyền”.

1.Theo giả định của J. Locke, loài người trải qua hai trạng thái phát triển xã hội: trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội dân sự. Trong trạng thái tự nhiên, con người có được đầy đủ các quyền tự nhiên như: quyền tự do, quyền bình đẳng và quyền tư hữu. Trong đó, bình đẳng được coi là phẩm chất đầu tiên của con người “Không có gì hiển nhiên hơn là những sinh vật của cùng một loài và một hạng, được sinh ra một cách ngẫu nhiên với cùng những thuận lợi tự nhiên, sử dụng cùng những năng lực, cũng phải là những sinh vật bình đẳng với nhau mà không có sự lệ thuộc hay khuất phục” [1]. Phẩm

* ĐT: 84-989148349.

E-mail: thanhhuyen.khxhvn@gmail.com

chất tự nhiên thứ hai của con người là tự do vô hạn: “*Quyền tự do tự nhiên* của con người, là sự tự do trước bất kỳ quyền lực cao hơn nào nơi trần thế và không chịu sự chi phối của ý chí hay thẩm quyền lập pháp, mà chỉ có luật tự nhiên dùng làm quy tắc cho họ” [1]. Phẩm chất tự nhiên thứ ba của con người là quyền tư hữu: “Dù mọi vật được trao tặng chung, nhưng con người, bằng việc là chủ nhân của bản thân và *chủ sở hữu của riêng cá nhân mình* và của hành động hay *lao động* của nó, trong tự thân mỗi người vẫn có một *nền tảng cao cả cho sở hữu*” [1]. Trong các quyền tự nhiên đó, J. Locke cho rằng quyền tư hữu là quyền cơ bản nhất.

Theo J. Locke, ngay từ khi mẹ tự nhiên sinh ra con người trên trái đất thì con người đã có quyền sở hữu. Thượng đế sinh ra con người đồng thời cũng ban cho con người đầy đủ những điều kiện để con người có thể duy trì sự sống của mình như: thức ăn, nước uống... và những điều kiện đem lại sự sung túc cho sự sống của họ: “Tất cả cây trái mà nó tạo ra, thú vật mà nó nuôi ăn, một cách tự nhiên là thuộc chung của cả loài người” [1]. Tất cả những sản vật đó đều được tạo ra từ bàn tay của tự nhiên, do đó theo Locke con người có quyền sở hữu đối với những sản phẩm mà tự nhiên ban tặng khi con người sinh ra. Quyền sở hữu đó là quyền sở hữu chung cho toàn thể mọi người, không một ai có quyền lực riêng đối với nó bởi vì trong trạng thái tự nhiên tất cả mọi người đều bình đẳng, mọi thứ đều là của chung của xã hội, không ai có quyền hạn gì hơn người khác.

Nhưng dù có như vậy, thì việc mà tự nhiên trao tặng mọi thứ trên trái đất cho con người nhất thiết phải có biện pháp để con người có thể “chiếm giữ” được chúng, biến chúng là của riêng cá nhân mình. Đó là quy luật tất yếu cho sự sinh tồn của con người, trong việc đảm bảo cho con người quyền sống với đầy đủ tiện nghi của cuộc sống.

J. Locke đã bắt đầu với một tiền đề mà không ai có thể tranh cãi được đó là con người có quyền sở hữu đối với lao động của chính bản thân họ và không ai có bất kỳ quyền gì đối với sở hữu này ngoài chính anh ta: “*lao động* của

ơ thể anh ta, *sản phẩm* của đôi tay anh ta - hoàn toàn có thể nói - đích thị là của anh ta” [1]. Từ đó, ông cho rằng, con người có quyền sở hữu đối với những sản phẩm do chính lao động của mình làm ra. Bất cứ thứ gì mà con người dùng sức lao động của mình “khâm” vào và lấy nó ra từ trạng thái mà tự nhiên đã cung cấp và để mặc ở đó thì sẽ trở thành sở hữu riêng của cá nhân họ, không một ai có thể nói rằng vật đó không phải là của anh ta. Chính việc con người dùng sức lao động của mình gắn kết vào bất cứ một thứ gì đó đã cho người đó loại trừ được quyền hạn chung của những người khác đối với vật đó, biến nó thành sở hữu của riêng anh ta. Lao động đã tách biệt giữa những thứ mà con người lấy từ tự nhiên với cái chung của tự nhiên, lao động đã thêm vào những thứ đó một “cái gì đó hơn là cái mà tự nhiên - người mẹ chung của tất cả - đã làm, và vì thế, chúng đã trở thành cái thuộc về tư quyền của anh ta” [1]. Như vậy, có thể nói, lao động đã biến những vật chất do tự nhiên cung cấp thành sở hữu của cá nhân: “con cá mà ai đó bắt được ngoài biển, là một nơi rộng lớn và vẫn còn là của chung cho loài người, hay những mảng long diên hương mà ai đó lấy được cũng từ đây, thì *bằng lao động* như thế đã đưa nó ra khỏi trạng thái chung mà tự nhiên đã để mặc đó, làm nên *sở hữu* cho người đã lưu tâm đến nó... con thỏ mà bất kỳ ai đang săn sẽ được cho là của người truy đuổi nó trong cuộc săn; vì với một con thú mà vẫn được coi là của chung và không là tài sản riêng của một ai, thì bất kỳ ai sử dụng nhiều lao động, thuộc bất kỳ loại nào, để tìm kiếm và săn đuổi nó, đều vì thế mà đã đưa nó ra khỏi trạng thái tự nhiên - dù ở bất kỳ khía cạnh nào khi nó từng là của chung - và *đã vừa bắt đầu một sở hữu*” [1].

J. Locke giả định rằng, sẽ có những người không thừa nhận quyền sở hữu đối với sản phẩm của người đã đem lao động của họ gắn kết vào đó bởi cho rằng, anh ta không có được sự chấp thuận của những người sống trong cộng đồng đó; và những thứ mà anh ta sở hữu đó là đồ “*ăn cướp*”, đồ mà người đó đi chiếm đoạt, vì anh ta đi nhận về cho bản thân mình cái chung vốn thuộc về tất cả mọi người. Theo J. Locke,

nếu như bắt buộc phải có được sự chấp thuận như vậy thì con người trên trái đất này sẽ không thể tồn tại được bởi vì họ sẽ chết đói, chết rét ngay cả khi mà tự nhiên đã trao cho họ đầy đủ sự sung túc, tạo mọi điều kiện cần thiết để họ có thể tồn tại và phát triển được. Ngay ở cả những vùng đất chung của tất cả mọi người, vốn được duy trì bằng một giao ước, thì việc lấy đi một phần nào đó từ vùng đất chung ấy và đưa nó ra khỏi trạng thái mà tự nhiên đã đem lại là điều “khởi đầu cho sở hữu”, và việc lấy đi phần này hay phần kia không phụ thuộc vào sự chấp thuận của tất cả dân chúng. Vì thế “đám cỏ mà ngựa của tôi đã ngoạm, lớp đất mà người hầu của tôi đã xén cỏ và số quặng mà tôi đã đào ở đâu đó, vốn là những nơi tôi có quyền chung cùng với những người khác, đã trở thành *sở hữu* của tôi mà không có sự chỉ định hay chấp thuận của bất kỳ ai” [1]. Và điều đó phù hợp với việc bảo toàn mạng sống cho con người, một thứ quyền thiêng liêng cao hơn cả mọi thứ. “Dù chúng ta có xét đến *lẽ phải* tự nhiên hay không, điều vốn nói rằng, một khi được sinh ra, có quyền bảo toàn đối với bản thân họ, và do đó, ăn, uống và những việc khác tương tự như thế, là những nỗ lực tự nhiên cho sự tồn tại của họ” [1].

Vì vậy mà “lao động của tôi là cái thuộc về tôi, việc đưa những gì khỏi trạng thái chung mà chúng từng ở trong đó *đã có định sở hữu* của tôi vào chúng” [1]. Hay nói khác, chính lao động của con người đã lấy đi những thứ vốn từ đôi tay của mẹ tự nhiên, nơi dành chung cho tất cả mọi người và ở đó mọi người có quyền sở hữu như nhau đối với chúng, vì vậy mà con người đã chiếm giữ được cái đó cho riêng mình: “dù nước chảy trong sông suối là của chung đối với mọi người, nhưng ai lại có thể nghi ngờ rằng nước trong một cái bình là của chính người đã múc ra nó” [1].

Trong thời kỳ đầu tiên, để duy trì sự tồn tại của mình con người đã tìm ra những biện pháp, những cách thức giản đơn để lấy những sản phẩm có sẵn của tự nhiên phục vụ cho chính nhu cầu thiết yếu của mình như: hái lượm hoa quả, săn bắt thú vật để làm thức ăn. Đây được xem như một hình thức chiếm hữu đơn giản

nhất. Khi con người thực hiện những hành vi như hái lượm, săn bắt tức là con người đã “trộn lẫn” lao động của mình vào các sản phẩm chiếm hữu được và một cách hiển nhiên những thứ đó thuộc về sở hữu của anh ta theo luật tự nhiên. “Luật lý trí này khiến cho một con hươu thuộc về người *Indian* nào đã giết nó, cho phép nó trở thành tài sản của anh ta, là người đã đặt lao động của mình vào nó, dù trước đó nó vẫn thuộc về cái quyền chung nơi mỗi người... thì luật tự nhiên nguyên thủy này - nhằm *khởi sự cho sở hữu* đối với cái đã là của chung trước đó - vẫn còn khai triển” [1].

Theo J. Locke, không chỉ có tất cả cây trái trên trái đất cũng như muôn thú sống trên đó là thuộc về con người mà ngay cả trái đất cũng thuộc về sở hữu của con người. Quyền sở hữu của con người với trái đất cùng quyền sở hữu của con người với cây cối, thú vật trên trái đất là như nhau. Bằng lao động của mình con người cày xới càng nhiều đất đai, trồng trọt càng nhiều cây trái, chăn nuôi muôn thú, khai khẩn mở mang càng nhiều diện tích thì những sản phẩm được tạo ra từ đó cũng thuộc quyền sở hữu của con người. Với việc sử dụng sức lao động của mình con người đã rào phần đất này lại, tách khỏi phần đất chung của toàn thể những người còn lại và phần đất đã được rào lại đó thuộc quyền sử dụng của anh ta. Qua quá trình lao động trên phần đất đó, con người sáp nhập vào phần đất đó quyền sở hữu của mình mà những người khác không có tư cách cũng như quyền hạn gì để tách nó khỏi anh ta. Đặc biệt khi mà tự nhiên còn đủ diện tích đất đai và chất lượng cũng tốt như phần đất mà người kia sở hữu thì việc người đó bằng lao động của mình mà chiếm giữ phần đất từ phần đất chung của loài người cũng không vấp phải một ý kiến phản đối nào của những người xung quanh.

J. Locke đã chỉ ra sự khác nhau giữa những mảnh đất mà có bàn tay lao động của con người đặt vào và những mảnh đất vốn được tự nhiên ban tặng cho con người nhưng lại không có sự chăm nom của con người thì thấy rằng kết quả là một bội số: “thực phẩm dự trữ phục vụ cho việc nuôi sống con người, sản xuất từ một mẫu

đất đã được rào lại và bồi bổ là bằng mười lần số thu hoạch được từ một mẫu tương tự, màu mỡ nhưng lại nằm trong cái chung phí phạm” [1]. Và như vậy, cùng với sự phát triển của dân số và nhu cầu con người thì bước phát triển tiếp theo của sở hữu chính là sở hữu đất đai hay động sản.

Với việc chiếm giữ mảnh đất đó cho riêng mình và bằng sự cần cù chăm chỉ lao động của mình con người đã tạo ra rất nhiều những sản phẩm có ích từ mảnh đất đó. Và từ những sản phẩm thu hoạch được trên mảnh đất do bàn tay lao động của mình tạo ra đã đem lại cho con người những tiện nghi của cuộc sống, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của con người đầy đủ hơn, đa dạng hơn. J. Locke đã so sánh thấy một sự chênh lệch khá lớn về hiệu quả thu được giữa mười mẫu đất có lao động và một trăm mẫu đất không có lao động: “và bằng việc rào đất đó, anh ta có được tiện nghi cuộc sống từ mười mẫu đất nhiều hơn là những gì anh ta có được từ một trăm mẫu đất vốn để mặc cho tự nhiên, và thật sự có thể nói là giao chín mươi mẫu đất kia cho loài người, vì lao động của anh ta nay cung cấp một lượng thực phẩm từ mười mẫu bằng với lượng sản phẩm của một trăm mẫu khi còn dưới sở hữu chung” [1]. Như vậy, nếu như có bàn tay lao động của con người tác động vào đất đai thì chỉ cần một diện tích đất nhỏ cũng sẽ tạo ra một khối lượng lương thực, thực phẩm lớn hơn rất nhiều lần so với một diện tích đất dù có lớn đến bao nhiêu chăng nữa mà không có bàn tay chăm sóc của con người.

Qua đây, J. Locke chỉ rõ vai trò to lớn của lao động đối với việc tạo ra những sản phẩm phục vụ nhu cầu tồn tại và phát triển của con người. Nếu như không có quá trình lao động tạo ra của cải vật chất thì con người không thể tồn tại và phát triển được. “Nếu chỉ tính toán khiếm nhường nhất, các sản phẩm hữu dụng của đất dành cho cuộc sống con người, chín phần mười là từ *hiệu quả của lao động*... chúng ta sẽ nhận thấy rằng hầu hết trong số đó, chín mươi chín phần trăm, là hoàn toàn được đặt trên lý giải về *lao động*” [1].

Có thể thấy sự tương đồng giữa J. Locke và các nhà kinh điển mácxít về vai trò của lao

động đối với sự phát triển con người và xã hội. Chính lao động, và cũng chỉ bằng lao động con người đã tự khẳng định vị trí là chủ thể của mình đối với tự nhiên và với muôn loài trong thế giới tự nhiên ấy. Đồng thời từ đó con người cũng xác định vai trò, quyền năng của mình trong vũ trụ.

Trong quá trình lao động, mỗi người với những phần sở hữu mà họ có với những mục đích sử dụng khác nhau, những phương thức khai thác, biện pháp khác nhau đã khiến cho mỗi một vùng đất có những sự phát triển riêng: Có những vùng đất con người chuyên chăn nuôi, nhưng lại có những vùng đất lại chuyên trồng cây lương thực... từ đó tạo ra sự “tách biệt về địa vị đối với những vùng đất khác nhau”. Vì vậy, mà J. Locke cho rằng “sở hữu của lao động có khả năng làm mất cân bằng tính cộng đồng về đất đai, vì lao động thật sự đã đặt sự khác biệt về giá trị lên mọi thứ”, “sự cải thiện đất đai từ lao động tạo nên phần lớn rất nhiều về giá trị” [1]. Có thể thấy chính lao động đã tạo nên sự khác nhau về địa vị giữa những vùng đất khác nhau, và cũng tạo nên sự khác nhau về vị thế giữa những con người: có những người đầy đủ, dư thừa của cải nhưng cũng có những người không đủ ăn, sống nghèo khổ.

Như vậy, con người có quyền sở hữu ngay từ khi con người được sinh ra. Đó là quyền sở hữu chung mà tất cả mọi người đều có đối với những sản vật mà tự nhiên ban phát. Không ai có bất kỳ một quyền lực gì riêng để chiếm giữ thành của riêng cho bản thân mình trừ khi con người sử dụng sức lao động của mình. Theo J. Locke, lao động làm nên quyền sở hữu cá nhân cho con người, tách nó ra khỏi quyền sở hữu chung. Nhờ lao động con người đã tách phần của cải vật chất trong tự nhiên vốn là của chung đối với tất cả mọi người, biến tài sản đó thành tài sản của riêng cá nhân mình mà không ai có quyền phản đối. Từ những luận giải trên đây, theo J. Locke, quyền sở hữu là một trong các quyền tự nhiên của con người, đó là *sở hữu mà người ta có đối với cá nhân con người họ cũng như những tài sản của họ*.

2. Quyền sở hữu và tư hữu đều được thực hiện thông qua lao động nhưng phải có hạn

mức. J. Locke cho rằng: “cùng một luật tự nhiên, với tư cách công cụ đem lại cho chúng ta sở hữu, nó đồng thời cũng ràng buộc sở hữu đó”, “thượng đế đã hào phóng cho chúng ta mọi thứ” nhưng không phải vì thế mà chúng ta có được quyền sở hữu ở mức vô hạn độ. Theo ông, mọi người đều có quyền sở hữu cho riêng mình nhưng quyền sở hữu đó cũng phải nằm trong giới hạn cho phép của luật tự nhiên. Con người có được quyền chiếm giữ của cải nhưng phải trong giới hạn “để hưởng thụ chúng”. Con người chỉ có được quyền sở hữu cho cá nhân mình khi mà những gì anh ta chiếm giữ ấy phải phục vụ cho nhu cầu sử dụng của anh ta, ở mức mà anh ta có thể sử dụng hết nó, chứ không phải chiếm giữ nó rồi không sử dụng đến để nó bị hư thối, bị tiêu hủy. Nếu như có điều đó xảy ra thì anh ta đã chiếm giữ nhiều hơn mức cho phép, và phần đó phải thuộc về sở hữu của những người khác. Mọi người sinh ra đều bình đẳng nhau, không ai có bất kỳ quyền hạn gì hơn những người khác, “đến mức tối đa có thể được mà một người sử dụng đến, vì bất kỳ lợi ích nào của cuộc sống trước khi nó hư thối, ở mức mà anh ta có thể cố định sở hữu vào đó bằng lao động của mình. Bất cứ thứ gì vượt quá điều này là cái lớn hơn phần của anh ta, và thuộc về những người khác” [1].

Theo J. Locke, tự nhiên không tạo ra cho con người bất kỳ một thứ gì có thể dư thừa, bỏ đi vô ích: “tự nhiên đã sắp đặt hợp lý từ phạm vi của hoạt động lao động của con người và tiện nghi của cuộc sống”, “không có sự lao động của một ai là có thể khai khẩn và chiếm giữ tất cả, mà thụ hưởng của anh ta cũng không thể dùng đến hơn một phần nhỏ” [1], sự dư thừa của người này và ở nơi này sẽ là sự thiếu thốn của người kia, ở nơi khác. Tự nhiên không cho phép sự bất bình đẳng như vậy. Một người chỉ có thể có được quyền chiếm giữ cho riêng mình nếu hành động chiếm giữ của anh ta không gây thiệt hại hay xâm phạm đến phần sở hữu vốn thuộc về người khác. Nếu như trong những sản phẩm mà một ai đó chiếm giữ được cho riêng mình như hoa quả mà người đó thu nhặt được bị hư thối, dập nát, hay thịt của những con thú mà anh

ta sẵn được bị thối rữa trước khi anh ta có thể sử dụng đến thì người này đã vi phạm nghiêm trọng đến luật tự nhiên chung và rất có thể sẽ bị luật tự nhiên trừng phạt, vì “anh ta đã xâm lấn vào phần của người láng giềng, vì anh ta không có quyền đi xa những gì cần thiết cho sự sử dụng của mình trong số mà chúng có thể phục vụ để đem lại cho anh ta những tiện nghi của cuộc sống” [1].

“Cùng những hạn mức như vậy đã chi phối việc *chiếm hữu đất đai*” của con người. Theo Locke, bất cứ sản phẩm nào mà con người thu hoạch được trên mảnh đất mà họ đã rào lại: sản phẩm của cây hoa màu, cây lương thực, những con gia súc được người đó chăn nuôi..., dù để dự trữ hay sử dụng thì trước khi nó bị hư hỏng, thiu thối thì nó thuộc quyền riêng của người đó, không một ai có quyền lấy đi của anh. Nhưng nếu như trong số những sản phẩm đó có thứ bị hư hỏng, phải bỏ đi thì phần đất này của anh dù có được rào lại cũng bị mọi người cho là hoang phí và có rất nhiều khả năng là phần đất đó sẽ bị thu lại và trao cho một người khác sử dụng: “nếu cỏ trên đất được rào của anh bị chết, hoặc cây trái trồng trọt của anh bị hư thối mà không được hái lượm hay bảo quản, dự trữ thì phần đất này, bất chấp việc rào lại của anh ta, vẫn bị xem là phí phạm và có thể là tài sản của ai khác” [1].

Nhưng J. Locke cũng chỉ ra rằng, nếu như anh ta đem một phần nào đó trong số sản phẩm mà anh ta chiếm giữ trước khi nó bị hư hỏng cho bất kỳ một người nào đó để số sản phẩm đó dù có bị hư hỏng cũng không phải là tài sản vô ích trong tay anh ta thì có thể xem là số sản phẩm này đã được anh ta đem ra sử dụng. Con người có thể vận dụng sự thông minh, khôn ngoan của mình để đem số sản phẩm có thời gian sử dụng quá ngắn để mua về những sản phẩm có thời gian sử dụng dài hơn là một biện pháp bảo vệ được quyền sở hữu của chính mình, không gây thiệt hại cho người khác: “bán tháo đi những quả mận sẽ hư thối trong vòng một tuần, để lấy những quả hạch có thể ăn trong vòng một năm thì anh ta đã không gây phương hại gì” [1].

Như vậy theo J. Locke, con người có thể có được quyền sở hữu một cách chân chính nếu như người đó biết vận dụng đầu óc thông minh của mình vào giải quyết những vấn đề thực tế đặt ra, để tránh cho những sản phẩm của anh ta có thể bị hư thối khi mà nhu cầu sử dụng của anh ta chưa cần thiết “nếu người này trao các quả hạch của mình để lấy một mẫu kim loại, để thích thú với màu sắc của nó, hoặc đổi con cừu của mình để lấy những vỏ sò, hay đổi len để lấy một viên đá thạch anh lỏng lánh hay một viên kim cương” [1], thì anh ta có thể cất giữ những thứ này đến suốt đời mà nó cũng sẽ không bị hư thối hay tiêu hủy. Và anh ta vẫn được coi là không xâm phạm đến quyền sở hữu của những người khác, và cũng không lấy đi phần sở hữu nào của những người khác.

Theo J. Locke, thì việc vượt quá giới hạn sở hữu chính đáng của anh ta không dựa trên độ lớn tài sản anh ta có, mà vào việc có làm hỏng một cách vô ích thứ gì đó trong số này hay không. Để giải quyết việc con người bằng lao động của mình có thể tích lũy tài sản mà không bị lãng phí hay hư hỏng cần có lưu thông tiền tệ thay cho tích lũy hàng hóa. Locke đã nhận thức được vấn đề đặt ra từ việc tích lũy không có giới hạn, nhưng “mới chỉ ám chỉ rằng chính quyền cần điều hòa mâu thuẫn giữa việc tích lũy của cải không có giới hạn với việc phân phối của cải bình đẳng hơn, mà chưa hề đề cập đến những nguyên tắc mà dựa vào đó, chính quyền giải quyết được việc này” [2].

3. Trên cơ sở quan niệm về quyền tự nhiên của con người, J. Locke chỉ ra những bất cập của trạng thái tự nhiên trong việc bảo vệ quyền con người. Ở đó mọi người vừa là người thực thi luật tự nhiên, vừa là người trừng phạt những người vi phạm quyền tự nhiên của mình. Chính điều đó, có thể dẫn đến hậu quả quyền con người có thể bị vi phạm và đưa mọi người vào một cuộc chiến tranh. Những bất cập đó đòi hỏi mọi người phải thoát khỏi trạng thái tự nhiên. Sự thỏa thuận giữa mọi người với nhau đưa đến sự ra đời của khế ước xã hội và nhà nước ra đời. Mục đích của nhà nước là bảo vệ quyền tự do và sở hữu do lao động đem lại. Để bảo đảm những quyền tự nhiên ấy, J. Locke đưa ra lý

thuyết về sự phân chia quyền lực: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền liên hiệp, trong đó quyền lập pháp là cao nhất và thuộc về nghị viện. Tư tưởng này của ông sau này được Montesquieu tiếp tục phát triển thành tư tưởng tam quyền phân lập: quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp. Những quyền này hạn chế lẫn nhau, cân bằng nhau và thuộc về các cơ quan khác nhau.

J. Locke ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến, trong đó nhà vua nắm quyền hành pháp nhưng không có bất cứ đặc quyền nào và phải thi hành theo luật pháp. Nếu đi ngược lại các nguyên tắc đó thì vua có thể bị lật đổ và nhân dân có quyền thiết lập một chính phủ khác. Khác với Hobbes, ông thừa nhận quyền đảo chính của nhân dân, nghĩa là quyền người dân cầm vũ khí chiến đấu nếu nhà nước không bảo vệ và đảm bảo được quyền của họ.

Học thuyết của J. Locke về “quyền tự nhiên không thể bị tước bỏ của con người”, về chính phủ hạn chế, về quyền chống đối chế độ chuyên chế trở thành một nguồn quan trọng trong thuyết cách mạng Pháp và được nhiều người Mỹ chấp nhận. Quan niệm triết học, chính trị của ông không chỉ có ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội Tây Âu lúc bấy giờ mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa hiện thời của nó.

Tài liệu tham khảo

- [1] John Locke, *Khảo luận thứ hai về chính quyền - chính quyền dân sự*, NXB Tri Thức, Hà Nội, 2007.
- [2] Phạm Văn Đức, “J.Locke nhà tư tưởng lớn của phong trào Khai sáng”, *Tạp chí Triết học*, số 2 (201) (2008) 84.
- [3] Michel Beaud, *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2002.
- [4] Vũ Dương Ninh, “Từ quyền tự nhiên của con người đến quyền độc lập tự do của dân tộc”, *Tạp chí Khoa học - Khoa học xã hội & nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập XXI, số 3 (2005) 1.
- [5] Edward McNall Buns, *Văn minh phương Tây - lịch sử và văn hóa*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008.
- [6] Bryan Magee, *Câu chuyện triết học*, NXB Thống Kê, Hà Nội, 2003.
- [7] David cooper, *Các trường phái triết học trên thế giới*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005.

J. Locke's Concept of Property Rights in the Work "Two Treatises of Government"

Nguyễn Thị Thanh Huyền

*Department of Philosophy, VNU University of Social Sciences and Humanities,
336 Nguyễn Trãi, Hanoi, Vietnam*

In the work "Two treatises of Government", J.Locke launched the concept of natural human rights encompassing rights to freedom, equality and private property in which he emphasized the ownership of labor-created assets. J.Locke started from a premise noone can deny that people have the ownership to their own labor. Therefore, when a person uses his or her labor to create a product, it will belong to him and that starts the ownership. According to J.Locke, ownership is the ownership of what people have for their individual human being as well as their properties. The accumulation of assets created by labor must also be limited. It is necessary to have monetary circulation to solve this problem. Monetary prevents the accumulation from wasting or damaging like the accumulation of goods. The purpose of government is to protect and ensure the freedom and property created by human labor. If the government cannot carry out that task, the people have the right to establish a new state on the basis of social contracts.